



**Tổng Công ty Cổ phần
Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thông tin về Tổng Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0300583659

ngày 29 tháng 2 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300583659 ngày 18 tháng 5 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Pramoad Phornprapha	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
Bà Trần Kim Nga	Thành viên
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên (từ ngày 28 tháng 4 năm 2021)
Bà Ngô Minh Châu	Thành viên (từ ngày 28 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên (đến ngày 27 tháng 4 năm 2021)
Ông Lương Thanh Hải	Thành viên (đến ngày 27 tháng 4 năm 2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Neo Gim Siong Bennett	Tổng Giám đốc
Ông Teo Hong Keng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ng Kuan Ngee Melvyn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh
Bà Venus Teoh Kim Wei	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)
Ông Hoàng Đạo Hiệp	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 28 tháng 2 năm 2021)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Pramoad Phornprapha	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên

**Người đại diện theo
pháp luật**

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Neo Gim Siong Bennett	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh
Phường 12, Quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Neo Gun Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2021

042
NH
:T
PM
01



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Báo cáo soát xét số: 21-01-00317-21-1

Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2021



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		17.691.260.728.695	16.086.281.272.781
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	1.681.482.605.714	987.216.978.696
Tiền	111		71.482.605.714	42.216.978.696
Các khoản tương đương tiền	112		1.610.000.000.000	945.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.551.000.000.000	13.901.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	14.551.000.000.000	13.901.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		880.597.632.424	662.414.849.228
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	230.241.094.700	161.895.468.488
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		23.420.048.863	4.110.874.165
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	950.791.998.991	820.264.016.705
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11(a)	(323.855.510.130)	(323.855.510.130)
Hàng tồn kho	140	12(a)	436.594.494.601	382.893.733.879
Hàng tồn kho	141		461.272.586.275	406.785.122.406
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(24.678.091.674)	(23.891.388.527)
Tài sản ngắn hạn khác	150		141.585.995.956	152.755.710.978
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	114.023.072.764	102.509.162.957
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	20.163.103.537
Thuế phải thu Nhà nước	153	20(b)	27.562.923.192	30.083.444.484

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn				
(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		5.445.891.204.061	5.716.098.338.293
Các khoản phải thu dài hạn	210		318.666.459.874	318.486.459.874
Phải thu về cho vay dài hạn	215		4.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	347.535.339.779	347.355.339.779
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11(b)	(32.868.879.905)	(32.868.879.905)
Tài sản cố định	220		1.459.326.292.686	1.513.885.418.173
Tài sản cố định hữu hình	221	14	597.301.827.063	649.409.598.012
<i>Nguyên giá</i>	222		3.674.775.972.151	3.656.722.327.756
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.077.474.145.088)	(3.007.312.729.744)
Tài sản cố định vô hình	227	15	862.024.465.623	864.475.820.161
<i>Nguyên giá</i>	228		993.923.916.624	993.804.280.624
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(131.899.451.001)	(129.328.460.463)
Bất động sản đầu tư	230	16	2.982.604.216	3.178.271.188
<i>Nguyên giá</i>	231		7.859.289.977	7.859.289.977
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(4.876.685.761)	(4.681.018.789)
Tài sản dở dang dài hạn	240		15.925.362.838	11.252.785.047
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	15.925.362.838	11.252.785.047
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.469.453.733.250	3.664.793.195.280
Đầu tư vào các công ty con	251	8(b)	2.837.212.995.029	2.837.212.995.029
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	252	8(b)	613.705.350.635	613.705.350.635
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	8(b)	569.372.362.407	785.951.682.407
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	8(b)	(571.705.854.726)	(592.945.712.696)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	8(a)	20.868.879.905	20.868.879.905
Tài sản dài hạn khác	260		179.536.751.197	204.502.208.731
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	75.010.373.929	84.484.017.998
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	18	91.600.341.849	105.289.221.725
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	12(b)	12.926.035.419	14.728.969.008
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		23.137.151.932.756	21.802.379.611.074

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.598.663.437.283	4.172.196.758.994
Nợ ngắn hạn	310		4.505.720.587.499	3.962.482.641.588
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	1.958.618.589.573	2.474.870.892.087
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.653.068.912	9.253.764.935
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20(a)	589.747.010.299	421.408.012.727
Phải trả người lao động	314		37.977.394.834	115.924.548.319
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	1.020.181.691.561	63.578.188.110
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	840.331.331.200	821.620.731.968
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	48.211.501.120	55.826.503.442
Nợ dài hạn	330		92.942.849.784	209.714.117.406
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	51.602.316.000	51.602.316.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	41.340.533.784	82.323.187.723
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	75.788.613.683
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		18.538.488.495.473	17.630.182.852.080
Vốn chủ sở hữu	410	25	18.538.488.495.473	17.630.182.852.080
Vốn cổ phần	411	26	6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	760.819.802.040	760.819.802.040
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.364.856.833.433	10.456.551.190.040
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		9.494.629.411.040	5.904.397.297.061
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		1.870.227.422.393	4.552.153.892.979
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		23.137.151.932.756	21.802.379.611.074

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Teo Hong Keng
Phó Tổng Giám đốc



Neo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	15.556.183.173.438	13.022.899.257.153
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	6.239.991.997	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	30	15.549.943.181.441	13.022.899.257.153
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	13.195.142.846.999	11.070.075.097.550
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.354.800.334.442	1.952.824.159.603
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	1.492.477.086.139	1.003.291.692.005
Chi phí tài chính	22	33	(15.818.404.764)	19.119.293.319
Chi phí bán hàng	25	34	1.724.486.791.332	1.046.311.388.223
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	81.116.838.994	210.272.328.630
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		2.057.492.195.019	1.680.412.841.436
Thu nhập khác	31		74.631.491.372	1.947.649.603
Chi phí khác	32		1.634.935.115	1.445.985.350
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		72.996.556.257	501.664.253
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.130.488.751.276	1.680.914.505.689
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	219.994.569.317	221.058.261.169
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	13.688.879.876	31.575.103.111
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.896.805.302.083	1.428.281.141.409

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Teo Hong Keng
Phó Tổng Giám đốc

Neo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		2.130.488.751.276	1.680.914.505.689
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		70.957.398.256	73.705.630.989
Các khoản dự phòng	03		(61.136.134.242)	18.950.169.961
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.345.236.498)	(26.351.736)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.477.950.994.972)	(970.779.185.191)
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	07		(73.817.939.085)	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		586.195.844.735	802.764.769.712
Biến động các khoản phải thu	09		(64.899.161.072)	(342.374.380.993)
Biến động hàng tồn kho	10		(52.286.382.522)	194.532.762.767
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		518.037.692.063	(419.705.401.287)
Biến động chi phí trả trước	12		(2.040.265.738)	(6.438.291.883)
			985.007.727.466	228.779.458.316
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(185.235.291.809)	(268.036.799.668)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(32.427.002.351)	(7.056.832.734)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		767.345.433.306	(46.314.174.086)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(24.894.938.297)	(67.107.909.056)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(6.693.000.000.000)	(5.761.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24	6.043.000.000.000	7.059.000.000.000
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	409.861.993.444	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	1.153.888.324.233	1.052.517.367.717
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	888.855.379.380	2.283.409.458.661
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi trả cổ tức	36	(961.918.235.275)	(2.244.476.103.975)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(961.918.235.275)	(2.244.476.103.975)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	694.282.577.411	(7.380.819.400)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	987.216.978.696	2.341.350.753.751
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(16.950.393)	(276.076.790)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	1.681.482.605.714	2.333.693.857.561

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng



Teo Hong Keng
Phó Tổng Giám đốc



Neo Jim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4106000268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “SAB” theo Quyết định Niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

ST-G
NH
INH
G
CHÍ

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Cấu trúc của Tổng Công ty bao gồm Văn phòng Tổng Công ty, Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh và Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi, là hai nhà máy hoạt động và hạch toán độc lập, chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Địa chỉ
Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Khu C1, Đường D3, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có 25 công ty con sở hữu trực tiếp và 13 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đầu tư trực tiếp (1/1/2021: 25 công ty con sở hữu trực tiếp và 13 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đầu tư trực tiếp), như được trình bày ở Thuyết minh 8(b).



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngoài ra, Tổng Công ty đầu tư gián tiếp vào 1 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2021: 1 công ty con và 5 công ty liên kết), chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	30/6/2021		1/1/2021	
				% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây							
1	Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng và nước tinh khiết đóng chai	51,00%	100%	51,00%	100%
Các công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Tư vấn và Chuyên giao Công nghệ Thành Nam	50A Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn xây dựng và thiết kế	28,57%	28,57%	28,57%	28,57%
2	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	3E/5, Đường Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Lô B5, Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	10,20%	20,00%	10,20%	20,00%
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	Số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và nước uống có cồn	21,80%	22,18%	21,80%	22,18%
5	Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	Lô 22, KCN Trà Nóc 1, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát, sữa đậu nành và nước ép trái cây	27,62%	34,92%	27,62%	34,92%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có 815 nhân viên (1/1/2021: 774 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Điều hành Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Điều hành Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 – 8 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 3 – 6 năm |



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai (2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là từ 40 đến 49 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 20 năm

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Bán bia, bao gồm hàng hóa và thành phẩm;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động khác.

Ban Điều hành Tổng Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Ảnh hưởng của Vi rút Corona

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã có những ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty. Ban Điều hành Tổng Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của sự kiện này. Đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam trong thời gian gần đây và Ban Điều hành Tổng Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

6. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận kinh doanh của Tổng Công ty được chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán bia, bao gồm hàng hóa và thành phẩm;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động khác.

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Tổng Công ty và tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty tại ngày báo cáo chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bia của Tổng Công ty. Thuyết minh 30 và Thuyết minh 31 trình bày chi tiết doanh thu và giá vốn của từng loại sản phẩm, vì vậy đã cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động của mỗi bộ phận kinh doanh như được phân loại ở trên.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tổng Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	38.430.754	38.196.945
Tiền gửi ngân hàng	71.444.174.960	42.178.781.751
Các khoản tương đương tiền	1.610.000.000.000	945.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.681.482.605.714	987.216.978.696

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng. Các khoản tương đương tiền được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 3,30% đến 3,75% một năm (1/1/2021: 3,80% đến 4,80% một năm).

8. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 3,90% đến 5,80% một năm (1/1/2021: 4,20% đến 7,30% một năm).

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản đầu tư của Tổng Công ty vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam. Khoản đầu tư này đã được lập dự phòng toàn bộ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	30/6/2021			1/1/2021		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào các công ty con (i)	2.837.212.995.029	(151.914.886.844)	2.685.298.108.185	2.837.212.995.029	(148.863.029.844)	2.688.349.965.185
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (ii)	613.705.350.635	(89.420.595.560)	524.284.755.075	613.705.350.635	(108.857.170.530)	504.848.180.105
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (iii)	569.372.362.407	(330.370.372.322)	239.001.990.085	785.951.682.407	(335.225.512.322)	450.726.170.085
	4.020.290.708.071	(571.705.854.726)	3.448.584.853.345	4.236.870.028.071	(592.945.712.696)	3.643.924.315.375

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty	30/6/2021				1/1/2021			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	51,00%	100.424.933.209	357.289.425.000	-	51,00%	100.424.933.209	333.477.525.000	-
▪ Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	62,06%	236.167.400.000	106.808.450.000	(129.358.950.000)	62,06%	236.167.400.000	125.223.700.000	(110.943.700.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	66,56%	299.548.230.160	713.409.000.000	-	66,56%	299.548.230.160	573.093.250.000	-
▪ Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	91,75%	208.414.271.535	(*)	-	91,75%	208.414.271.535	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	51,24%	17.650.697.182	53.796.750.000	-	51,24%	17.650.697.182	41.500.350.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	54,73%	76.324.868.844	53.768.932.000	(22.555.936.844)	54,73%	76.324.868.844	46.188.639.000	(30.136.229.844)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	68,78%	314.250.000.000	325.284.500.000	-	68,78%	314.250.000.000	306.466.900.000	(7.783.100.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	52,11%	93.800.000.000	189.635.460.000	-	52,11%	93.800.000.000	219.276.260.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	100%	700.000.000.000	(*)	-	100%	700.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	90,00%	37.422.345.046	(*)	-	90,00%	37.422.345.046	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	95,07%	37.369.732.632	(*)	-	95,07%	37.369.732.632	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	94,45%	83.141.000.000	(*)	-	94,45%	83.141.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	91,24%	54.546.288.176	(*)	-	91,24%	54.546.288.176	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	90,00%	36.541.448.653	(*)	-	90,00%	36.541.448.653	(*)	-



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	30/6/2021				1/1/2021			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	90,14%	55.799.775.209	(*)	-	90,14%	55.799.775.209	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	90,68%	36.362.195.948	(*)	-	90,68%	36.362.195.948	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	90,00%	36.265.364.767	(*)	-	90,00%	36.265.364.767	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	90,00%	36.798.955.472	(*)	-	90,00%	36.798.955.472	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	100%	59.365.663.690	(*)	-	100%	59.365.663.690	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	90,45%	36.000.000.000	(*)	-	90,45%	36.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	100%	120.000.000.000	(*)	-	100%	120.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	76,81%	55.174.824.506	(*)	-	76,81%	55.174.824.506	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn	100%	10.000.000	(*)	-	100%	10.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn	100%	10.000.000	(*)	-	100%	10.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	52,91%	105.825.000.000	(*)	-	52,91%	105.825.000.000	(*)	-
		<u>2.837.212.995.029</u>		<u>(151.914.886.844)</u>		<u>2.837.212.995.029</u>		<u>(148.863.029.844)</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Tên công ty	30/6/2021				1/1/2021			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Trường Sa	28,35%	4.725.000.000	(*)	(4.725.000.000)	28,35%	4.725.000.000	(*)	(4.725.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	26,00%	26.000.000.000	(*)	-	26,00%	26.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	27,03%	33.787.500.000	59.868.071.250	-	27,03%	33.787.500.000	61.587.855.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	32,22%	103.174.711.495	403.929.246.000	-	32,22%	103.174.711.495	402.967.509.700	-
▪ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	29,00%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)	29,00%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	20,00%	30.000.000.000	(*)	-	20,00%	30.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	20,00%	23.000.000.000	(*)	(3.680.516.910)	20,00%	23.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	25,00%	43.111.007.200	(*)	-	25,00%	43.111.007.200	(*)	-
▪ Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	30,00%	113.224.326.586	(*)	-	30,00%	113.224.326.586	(*)	-
▪ Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	30,00%	86.338.395.824	(*)	-	30,00%	86.338.395.824	(*)	-
▪ Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	35,00%	26.212.239.000	(*)	-	35,00%	26.212.239.000	(*)	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (tiếp theo)

Tên công ty	30/6/2021			1/1/2021				
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	45,00%	31.632.170.530	(*)	(8.515.078.650)	45,00%	31.632.170.530	(*)	(31.632.170.530)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	20,00%	20.000.000.000	(*)	-	20,00%	20.000.000.000	(*)	-
		<u>613.705.350.635</u>		<u>(89.420.595.560)</u>		<u>613.705.350.635</u>		<u>(108.857.170.530)</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	30/6/2021			1/1/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	-	-	-	216.579.320.000	375.218.868.800	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	46.000.000.000	(*)	-	46.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần PVI	51.475.140.000	20.294.485.200	(31.180.654.800)	51.475.140.000	15.439.345.200	(36.035.794.800)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Không Gian Ngầm	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	30.700.950.000	7.497.000.000	(30.700.950.000)	30.700.950.000	5.145.000.000	(30.700.950.000)
▪ Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	26.588.267.394	(*)	-	26.588.267.394	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	19.690.000.000	(*)	-	19.690.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	126.429.237.491	(*)	-	126.429.237.491	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)
▪ Công ty TNHH Đầu tư Sabeco HP	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)
	569.372.362.407		(330.370.372.322)	785.951.682.407		(335.225.512.322)

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	785.951.682.407	785.951.682.407
Thoái vốn trong kỳ	(216.579.320.000)	-
Số dư cuối kỳ	569.372.362.407	785.951.682.407

(iv) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	592.945.712.696	564.316.444.165
Dự phòng trích lập trong kỳ	22.095.766.910	23.587.562.600
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(43.335.624.880)	(8.212.718.732)
Số dư cuối kỳ	571.705.854.726	579.691.288.033

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	90.797.975.510	114.529.145.357
Các khách hàng khác	139.443.119.190	47.366.323.131
	230.241.094.700	161.895.468.488

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	90.797.975.510	114.529.145.357
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	16.430.646.405	863.324.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	15.350.176.326	3.738.188.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	14.485.263.850	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	13.543.825.696	2.660.790.712
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	11.676.224.336	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	6.394.141.430	479.627.918
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	6.289.050.457	2.880.160.877
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	51.803.400	308.213.400
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	19.717.500	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	-	1.291.756.400
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	17.220.063.574	863.360.275
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	10.282.851.208	1.616.896.549
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	6.978.389.915	1.269.459.419
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	6.193.580.807	2.641.429.652
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	4.033.641.374	2.749.411.545
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	3.835.793.638	7.623.484.602
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	901.121.095	1.839.786.330
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	424.897.000	-

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải thu do chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư và phần vốn góp trong công ty liên kết	277.230.733.543	277.230.733.543
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng và trái phiếu	347.671.679.472	319.447.001.355
Phải thu về cổ tức	287.578.660.654	185.039.172.636
Phải thu ngắn hạn khác	38.310.925.322	38.547.109.171
	950.791.998.991	820.264.016.705

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Thai Beverage Public Company Limited	306.673.790	-
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	80.104.960.483	136.733.197.701
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	70.721.398.467	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn		
Nam Trung Bộ	43.229.700.000	29.700.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	28.872.972.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	15.475.000.000	37.157.564
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	10.536.547.333	3.189.653.852
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	4.028.697.860	9.454.420
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	-	4.872.313.865
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	-	187.009.159
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	-	125.225.449
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	-	76.235.614
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	-	69.277.691
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	-	68.296.475
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	-	46.274.375
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	277.230.733.543	277.230.733.543
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	32.650.829.635	-
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	8.656.469	89.004.219
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	-	33.730.321.507
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	-	1.736.949.650
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	-	126.355.136
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	-	84.012.578
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	-	77.396.511
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	-	46.091.080

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải thu Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh, công ty con	328.073.502.218	328.073.502.218
Ký quỹ, ký cược dài hạn	11.442.972.561	11.262.972.561
Phải thu dài hạn khác	8.018.865.000	8.018.865.000
	347.535.339.779	347.355.339.779

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	97.526.482.824	-	139.590.388.946	-
Nguyên vật liệu	236.111.517.494	(4.251.621.969)	145.901.566.441	(3.712.557.025)
Công cụ và dụng cụ	33.208.828.979	(20.426.469.705)	22.613.015.943	(20.178.831.502)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	69.852.909.288	-	75.300.152.747	-
Thành phẩm	19.015.788.510	-	23.315.898.116	-
Hàng hóa	5.557.059.180	-	64.100.213	-
	461.272.586.275	(24.678.091.674)	406.785.122.406	(23.891.388.527)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có 24.678 triệu VND (1/1/2021: 23.891 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, hoặc chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	23.891.388.527	34.206.196.989
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.120.478.044	456.140.763
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(299.543.789)	(681.801.274)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(34.231.108)	(9.712.791.360)
Số dư cuối kỳ	24.678.091.674	24.267.745.118

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	40.378.851.406	(27.452.815.987)	42.614.163.861	(27.885.194.853)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	27.885.194.853	22.186.454.366
Dự phòng trích lập trong kỳ	2.018.324.288	4.065.679.165
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(2.450.703.154)	(1.236.339.897)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	27.452.815.987	25.015.793.634

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Chi phí bảng hiệu quảng cáo	100.314.337.733	78.975.900.457
Công cụ và dụng cụ	8.226.262.620	14.052.458.340
Chi phí trả trước khác	5.482.472.411	9.480.804.160
	<hr/>	<hr/>
	114.023.072.764	102.509.162.957

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Tài sản chờ góp	Bao bì	Công cụ và	Tổng
	vốn đầu tư (*)	luân chuyển	dụng cụ	VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	51.602.316.000	22.216.801.386	10.664.900.612	84.484.017.998
Tăng trong kỳ	-	3.187.894.920	24.000.000	3.211.894.920
Phân bổ trong kỳ	-	(8.971.836.770)	(3.713.702.219)	(12.685.538.989)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	51.602.316.000	16.432.859.536	6.975.198.393	75.010.373.929

(*) Tài sản chờ góp vốn đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất chờ bàn giao (Thuyết minh 22(b)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	609.337.069.409	2.874.388.136.738	57.822.918.781	115.174.202.828	3.656.722.327.756
Tăng trong kỳ	-	3.385.282.295	-	170.800.000	3.556.082.295
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	14.497.562.100	-	-	14.497.562.100
Số dư cuối kỳ	609.337.069.409	2.892.270.981.133	57.822.918.781	115.345.002.828	3.674.775.972.151
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	436.351.610.398	2.430.109.252.470	50.740.473.821	90.111.393.055	3.007.312.729.744
Khấu hao trong kỳ	12.244.020.030	51.121.402.723	1.668.029.668	5.127.962.923	70.161.415.344
Số dư cuối kỳ	448.595.630.428	2.481.230.655.193	52.408.503.489	95.239.355.978	3.077.474.145.088
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	172.985.459.011	444.278.884.268	7.082.444.960	25.062.809.773	649.409.598.012
Số dư cuối kỳ	160.741.438.981	411.040.325.940	5.414.415.292	20.105.646.850	597.301.827.063

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 2.162.636 triệu VND (1/1/2021: 2.154.623 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 61.243 triệu VND (1/1/2021: 59.127 triệu VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình Tổng Công ty cho các công ty con và công ty liên kết thuê có thu phí tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 112.324 triệu VND (1/1/2021: 86.394 triệu VND).

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	929.359.796.577	64.444.484.047	993.804.280.624
Tăng trong kỳ	-	119.636.000	119.636.000
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	929.359.796.577	64.564.120.047	993.923.916.624
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	65.996.814.720	63.331.645.743	129.328.460.463
Khấu hao trong kỳ	2.311.685.832	259.304.706	2.570.990.538
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	68.308.500.552	63.590.950.449	131.899.451.001
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	863.362.981.857	1.112.838.304	864.475.820.161
Số dư cuối kỳ	861.051.296.025	973.169.598	862.024.465.623

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 62.538 triệu VND (1/1/2021: 62.221 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

- (*) Trong quyền sử dụng đất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các quyền sử dụng đất với giá trị là 735.380 triệu VND được Tổng Công ty ghi nhận theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa của Tổng Công ty do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại ngày 30 tháng 4 năm 2008 lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Tổng Công ty đã ghi nhận tăng giá trị quyền sử dụng đất này vào tài khoản “Tài sản cố định vô hình”, đồng thời ghi tăng tương ứng một khoản phải trả Nhà nước trên tài khoản “Phải trả ngắn hạn khác” (Thuyết minh 22(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khu đất này đã được Bộ Công thương giao cho Tổng Công ty quản lý và sử dụng theo quy hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để lập hợp đồng thuê đất. Hiện tại, Tổng Công ty đang sử dụng các khu đất này cho mục đích sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Quyền sử dụng đất cho các khu đất này chỉ có tính tạm thời, Tổng Công ty không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, hay thế chấp các quyền sử dụng đất này.

Chi tiết giá trị quyền sử dụng đất theo giá trị tạm tính được xác định tại ngày 6 tháng 3 năm 2010 như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích m²	Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp VND
1	46 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	55.241.212.500
2	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	418.634.111.100
3	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729,0	247.637.160.000
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	13.867.389.100
			<hr/>
			735.379.872.700
			<hr/>

Tổng Công ty chưa trích khấu hao giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng chưa được xác định một cách đáng tin cậy tại ngày lập báo cáo tài chính. Trong kỳ Tổng Công ty cũng đã hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng chi phí thuê đất và thuế đất với số tiền là 15.153 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 18.379 triệu VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	7.859.289.977
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	4.681.018.789
Khấu hao trong kỳ	195.666.972
Số dư cuối kỳ	4.876.685.761
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	3.178.271.188
Số dư cuối kỳ	2.982.604.216

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	11.252.785.047	183.331.947.357
Tăng trong kỳ	19.170.139.891	32.995.660.094
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(14.497.562.100)	(183.509.736.524)
Chuyển sang hàng tồn kho	-	(813.912.046)
Số dư cuối kỳ	15.925.362.838	32.003.958.881

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:			
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	58.256.289.529	60.205.695.176
▪ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	20.613.559.121	32.423.898.208
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	20%	10.426.181.532	10.355.316.676
▪ Dự phòng phải thu khó đòi	20%	2.304.311.667	2.304.311.665
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		91.600.341.849	105.289.221.725

19. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	308.167.035.145	210.405.537.315
Công ty Cổ phần Hanacans	80.325.139.768	139.054.822.046
Công ty TNHH Asia Packaging Industries Việt Nam	144.899.729.112	136.845.628.247
Các nhà cung cấp khác	1.425.226.685.548	1.988.564.904.479
		1.958.618.589.573
		2.474.870.892.087

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	133.855.826.224	146.522.349.367
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	105.235.293.801	137.636.197.021
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	90.990.226.416	101.663.164.343
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	71.852.912.348	111.749.766.641
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	61.108.428.666	101.538.471.141
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	47.754.271.951	8.206.970.201
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	46.216.460.214	55.549.402.077
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	42.921.990.620	55.257.345.458
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	41.716.277.020	27.088.991.479
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	40.446.463.210	41.737.255.474
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	25.039.470.600	25.415.899.983
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	21.052.837.960	22.927.468.916
Công ty Cổ Phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	19.671.039.312	80.121.569.154
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	19.459.183.150	23.575.609.200
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	11.231.820.169	13.340.109.200
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	9.190.099.196	63.379.993.941
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	8.488.611.560	20.632.774.536
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	5.093.515.629	10.343.309.664
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	3.981.435.788	2.139.835.500
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	3.680.656.376	11.216.489.350
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	3.149.996.586	3.793.714.100
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	268.545.180	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	162.324.800	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	123.455.185	656.340.216
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	308.167.035.145	210.405.537.315
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	18.539.166.360	11.483.668.900
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	13.657.215.000	12.707.200.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	11.695.763.200	9.454.426.850
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	7.256.720.146	44.976.587.953
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	7.226.415.500	19.812.398.470
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	6.844.073.416	3.218.569.970
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	2.757.807.800	18.108.761.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	2.255.231.880	4.825.865.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	1.671.089.750	2.149.649.700
Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	1.473.210.200	6.011.317.950
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	319.000.000	319.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	69.667.886.650	96.756.522.384
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	180.854.020	-



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước****(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã cân trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	231.029.079.755	1.254.199.623.333	(1.276.297.512.127)	-	208.931.190.961
Thuế thu nhập doanh nghiệp	175.556.059.116	219.994.569.317	(185.235.291.809)	-	210.315.336.624
Thuế giá trị gia tăng	-	2.057.206.758.206	(177.747.820.651)	(1.723.028.666.126)	156.430.271.429
Thuế thu nhập cá nhân	12.022.326.041	13.549.195.330	(14.313.106.561)	-	11.258.414.810
Thuế xuất nhập khẩu	-	3.710.839.309	(3.710.839.309)	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	1.581.049.815	15.383.358.221	(12.862.836.929)	(2.520.521.292)	1.581.049.815
Thuế tài nguyên	43.728.000	44.883.840	(83.958.800)	-	4.653.040
Các loại thuế khác	1.175.770.000	1.329.857.305	(1.279.533.685)	-	1.226.093.620
	421.408.012.727	3.565.419.084.861	(1.671.530.899.871)	(1.725.549.187.418)	589.747.010.299

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số đã cân trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Tiền thuê đất	30.083.444.484	(2.520.521.292)	27.562.923.192

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	981.505.304.403	53.839.652.246
Chi phí phải trả khác	38.676.387.158	9.738.535.864
	1.020.181.691.561	63.578.188.110

22. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*)	735.379.872.700	735.379.872.700
Quỹ khen thưởng, phúc lợi phải trả cho các công ty con	44.700.090.136	42.236.388.197
Cổ tức phải trả	6.715.939.650	6.712.395.925
Phải trả ngắn hạn khác	53.535.428.714	37.292.075.146
	840.331.331.200	821.620.731.968

(*) Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được ghi nhận theo Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa do Ban Quyết toán cổ phần hóa, đại diện của Bộ Công thương và Bộ Tài chính, lập ngày 6 tháng 3 năm 2010 (Thuyết minh 15).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Thai Beverage Public Company Limited	6.862.032.417	1.878.375.715
Công ty mẹ cấp trung gian		
BeerCo Limited	3.837.931.798	-
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại		
Bia Sài Gòn	25.517.600.272	25.517.600.272
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sa Be co	10.061.217.212	10.061.217.212
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	8.999.762.034	8.988.336.717
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	1.722.067.552	52.063.478
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	1.522.160.540	1.522.160.540
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	837.687.510	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	739.328.874	739.328.874
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	437.717.745	437.717.745
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	195.775.466	195.775.466
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	106.561.973	106.561.973
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	82.229.450	82.229.450
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	77.649.344	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	66.242.689	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	57.463.703	12.932.851
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	41.607.956	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	35.181.812	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	24.198.503	-
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	7.329.334	-
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	300.904.993	287.780.949
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	108.815.193	340.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	56.987.650	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	53.422.779	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	49.211.841	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	46.471.761	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	20.608.412	10.937.943
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	13.197.767	-
Các bên liên quan khác		
Chang International Co, Ltd	3.836.214.569	667.563.948
Super Brands Company Pte Ltd	2.988.781.801	2.464.069.317
Fraser and Neave, Limited	632.614.560	481.446.018
Fraser & Neave (Singapore) Pte Limited	2.000.000	2.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 13(b))	51.602.316.000	51.602.316.000

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tổng Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	55.826.503.442	99.423.121.910
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 25)	26.577.879.690	24.776.500.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	(20.704.495.849)
Điều chuyển về các công ty con	(2.463.701.939)	-
Sử dụng trong kỳ	(31.729.180.073)	-
Số dư cuối kỳ	48.211.501.120	103.495.126.061

24. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	82.323.187.723	92.606.211.882
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	971.647.336
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(40.284.831.661)	-
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(697.822.278)	(8.028.480.070)
Số dư cuối kỳ	41.340.533.784	85.549.379.148

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	6.412.811.860.000	760.819.802.040	9.370.274.398.123	16.543.906.060.163
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.428.281.141.409	1.428.281.141.409
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	(2.244.484.151.000)	(2.244.484.151.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	(24.776.500.000)	(24.776.500.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	20.704.495.849	20.704.495.849
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	40.464.926.089	40.464.926.089
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2020	6.412.811.860.000	760.819.802.040	8.590.464.310.470	15.764.095.972.510
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	3.173.425.751.570	3.173.425.751.570
Cổ tức	-	-	(1.282.562.372.000)	(1.282.562.372.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(24.776.500.000)	(24.776.500.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	6.412.811.860.000	760.819.802.040	10.456.551.190.040	17.630.182.852.080
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.896.805.302.083	1.896.805.302.083
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	(961.921.779.000)	(961.921.779.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	(26.577.879.690)	(26.577.879.690)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	6.412.811.860.000	760.819.802.040	11.364.856.833.433	18.538.488.495.473

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	641.281.186	6.412.811.860.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	641.281.186	6.412.811.860.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020.

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

28. Cổ tức

Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty ngày 26 tháng 1 năm 2021 đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 961.922 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 2.444.484 triệu VND, tương đương 3.500 VND/cổ phiếu).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	39.750.658.080	36.500.027.039
Từ hai đến năm năm	21.158.566.843	33.682.123.018
Sau năm năm	50.931.356.510	52.071.422.739
	111.840.581.433	122.253.572.796

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ các bên khác

	Đơn vị	30/6/2021	1/1/2021
Kết nhựa	cái	68.178	47.195
Pallet	cái	4.485	16.694
		72.663	63.889

(c) Ngoại tệ các loại

	30/6/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	320.518	7.346.278.061	300	6.895.260
EUR	1.339	35.938.760	3.386	94.914.019
AUD	17.871	306.087.637	-	-
		7.688.304.458		101.809.279

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	4.111.530.048	12.964.971.499
	4.111.530.048	12.964.971.499

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	10.852.185.905.926	8.975.985.341.092
▪ Bán nguyên vật liệu	2.928.798.627.406	2.256.378.638.228
▪ Bán thành phẩm	1.747.537.251.107	1.771.554.165.943
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	3.001.736.304.520	3.047.497.138.422
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(1.254.199.053.413)	(1.275.942.972.479)
▪ Doanh thu khác	27.661.388.999	18.981.111.890
	15.556.183.173.438	13.022.899.257.153
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	6.239.991.997	-
Doanh thu thuần	15.549.943.181.441	13.022.899.257.153

31. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	9.240.056.925.330	7.716.227.449.365
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	2.919.260.229.246	2.254.967.847.721
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.031.437.492.443	1.094.734.696.338
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	388.555.389	2.603.678.757
Giá vốn khác	3.999.644.591	1.541.425.369
	13.195.142.846.999	11.070.075.097.550



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia	897.122.801.981	546.315.210.060
Thu nhập lãi tiền gửi	387.543.327.347	424.463.975.131
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	193.284.865.644	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.565.138.113	32.486.155.078
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.345.236.498	26.351.736
Doanh thu tài chính khác	615.716.556	-
	1.492.477.086.139	1.003.291.692.005

33. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(21.239.857.970)	15.374.843.868
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.805.736.650	3.744.449.451
Chi phí tài chính khác	615.716.556	-
	(15.818.404.764)	19.119.293.319

34. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng	854.144.062.957	481.893.830.340
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	843.270.441.263	543.030.021.442
Chi phí nhân viên	16.999.331.158	16.184.201.162
Chi phí bán hàng khác	10.072.955.954	5.203.335.279
	1.724.486.791.332	1.046.311.388.223

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	56.860.386.783	102.406.360.480
Chi phí thuê	18.783.340.446	63.191.176.604
Chi phí khấu hao và phân bổ	6.697.447.009	6.329.237.501
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	(40.284.831.661)	-
Chi phí quản lý khác	39.060.496.417	38.345.554.045
	<hr/>	<hr/>
	81.116.838.994	210.272.328.630

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	827.041.683.184	829.809.324.106
Chi phí nhân công và nhân viên	117.768.219.060	174.896.277.077
Chi phí khấu hao và phân bổ	69.665.591.027	73.705.630.989
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	1.816.888.494.318	1.239.861.814.514
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	219.994.569.317	221.058.261.169
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	13.688.879.876	31.575.103.111
	233.683.449.193	252.633.364.280

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.130.488.751.276	1.680.914.505.689
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	426.097.750.255	336.182.901.138
Thu nhập không bị tính thuế	(179.424.560.396)	(109.270.655.562)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.696.174.498	711.762.563
Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trong những kỳ trước/tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(14.685.915.164)	25.009.356.141
	233.683.449.193	252.633.364.280

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Thai Beverage Public Company Limited		
Chi hộ cho Tổng Công ty	4.983.656.702	-
<i>Công ty mẹ cấp trung gian</i>		
BeerCo Limited		
Chi hộ cho Tổng Công ty	3.867.931.798	-
<i>Công ty mẹ</i>		
Công ty TNHH Vietnam Beverage		
Cổ tức đã trả	515.463.880.500	1.202.749.054.500
<i>Các công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	87.687.381.200	74.101.025.700
Các giao dịch khác	-	32.604.086
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân		
Bán nguyên vật liệu	68.298.840.579	38.814.685.499
Mua hàng hóa	202.191.648.753	120.429.457.120
Cung cấp dịch vụ	188.752.800	188.752.800
Các giao dịch khác	44.498.808	-
Cổ tức nhận được	1.537.050.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội		
Bán nguyên vật liệu	152.903.822.478	108.741.518.576
Mua hàng hóa	524.752.575.840	384.807.061.680
Cổ tức nhận được	14.070.000.000	9.380.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	15.663.329.627	9.958.209.070
Mua hàng hóa	85.100.390.330	78.365.074.600
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Bán nguyên vật liệu	382.960.235.221	230.881.365.890
Mua hàng hóa	1.113.139.123.330	763.661.193.160
Các giao dịch khác	381.647.919	85.000.000



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam		
Bán nguyên vật liệu	219.041.847.385	181.703.784.444
Mua hàng hóa	715.038.665.660	608.160.177.110
Cổ tức nhận được	15.475.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Bán nguyên vật liệu	46.313.332.330	50.332.619.949
Mua hàng hóa	234.665.241.920	266.955.056.610
Cổ tức nhận được	22.185.000.000	22.185.000.000
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	541.047.204	1.014.862.625
Bán nguyên vật liệu	127.102.500	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	428.936.000	1.067.414.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	54.598.925.785	34.828.404.908
Chi phí hàng khuyến mãi	7.166.087.324	7.518.260.970
Cổ tức nhận được	11.110.221.055	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	30.942.953.430	14.660.645.222
Chi phí hàng khuyến mãi	4.675.732.380	1.514.773.530
Mua hàng hóa	-	2.337.175.470
Cổ tức nhận được	28.872.972.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	82.834.585.052	51.659.923.094
Chi phí hàng khuyến mãi	7.448.202.916	3.494.084.340
Mua hàng hóa	2.306.220.740	1.765.883.060
Cổ tức nhận được	70.721.398.467	-
Bán nguyên vật liệu	12.842.500	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	100.376.319.610	66.013.952.531
Chi phí hàng khuyến mãi	10.714.068.992	6.082.844.350
Bán nguyên vật liệu	9.055.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	42.435.083.011	27.955.106.311
Chi phí hàng khuyến mãi	4.342.917.304	2.893.958.980

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	65.765.737.544	35.561.838.703
Chi phí hàng khuyến mãi	6.757.748.140	2.988.730.950
Mua hàng hóa	-	2.231.850
Cung cấp dịch vụ	408.960.000	198.000.000
Cổ tức nhận được	43.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	181.887.857.317	77.005.783.743
Chi phí hàng khuyến mãi	12.427.177.928	4.027.709.180
Mua hàng hóa	2.836.380	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	108.363.753.029	75.042.502.707
Chi phí hàng khuyến mãi	12.487.191.024	4.759.460.630
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	51.725.672.211	35.942.211.116
Chi phí hàng khuyến mãi	5.246.012.596	9.357.196.090
Mua hàng hóa	9.082.200	40.728.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	146.293.544.840	94.591.870.818
Chi phí hàng khuyến mãi	10.660.374.560	9.607.235.880
Mua hàng hóa	3.773.321.900	1.721.726.510
Bán nguyên vật liệu	1.858.500	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	188.455.426.714	159.756.204.727
Mua hàng hóa	541.415.787.260	487.136.955.000
Phân phối lợi nhuận	31.247.572.521	22.511.789.375
Cung cấp dịch vụ	777.057.894	777.057.894
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng		
Bán nguyên vật liệu	204.404.488.895	127.263.725.935
Mua hàng hóa	586.080.020.260	415.284.715.580
Giao dịch khác	197.075.751	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ bảo trì	17.682.201.097	17.507.040.989
Mua hàng hóa	9.234.832.050	3.071.468.479
Cổ tức nhận được	4.016.952.736	-
Giao dịch khác	58.117.392	1.005.571.031

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2021 30/6/2020
VND VND

Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn

Bán hàng hóa và thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	12.547.854.237.367	10.704.385.883.861
Phân phối lợi nhuận	463.001.854.637	439.886.644.270
Mua hàng hóa	4.424.490.440	20.614.061.960
Phí vận chuyển	396.808.123	523.679.881
Phí thuê pallet	1.946.780.237	1.424.673.652
Phí sử dụng chai	1.828.379.000	8.415.314.288
Cung cấp dịch vụ	8.915.308.915	319.169.650

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng

Bán nguyên vật liệu	323.867.903.915	170.581.532.644
Mua hàng hóa	987.523.899.600	540.739.266.729
Cổ tức nhận được	10.582.500.000	10.582.500.000
Giao dịch khác	150.806.805	-

Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa

Bán nguyên vật liệu	80.901.258.670	92.779.862.954
Mua hàng hóa	248.421.532.710	276.380.982.780
Cổ tức nhận được	-	2.600.000.000
Mua khác	-	5.460.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

Bán nguyên vật liệu	122.905.094.696	118.557.117.037
Mua hàng hóa	384.010.507.910	372.236.984.460
Cổ tức nhận được	-	2.300.000.000
Giao dịch khác	115.720.224	17.061.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Bán nguyên vật liệu	189.533.031.464	149.936.954.943
Mua hàng hóa	631.157.353.180	593.450.975.590
Mua khác	-	1.059.630.644
Giao dịch khác	115.923.915	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Bán nguyên vật liệu	85.980.881.615	76.083.140.292
Mua hàng hóa	286.098.020.150	231.260.748.600
Cổ tức nhận được	3.378.750.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Bán nguyên vật liệu	125.976.179.094	113.233.586.170
Mua hàng hóa	399.310.990.760	386.152.257.720
Cung cấp dịch vụ	1.600.858.098	1.600.858.098
Bán hàng hóa	25.956.000	27.750.000
Giao dịch khác	110.858.472	-
Cổ tức nhận được	5.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre		
Bán nguyên vật liệu	158.673.752.058	104.881.663.715
Mua hàng hóa	460.926.136.010	361.021.039.600
Cổ tức nhận được	1.000.000.000	4.000.000.000
Giao dịch khác	-	27.750.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Bán nguyên vật liệu	157.038.469.731	168.874.746.833
Mua hàng hóa	501.449.509.530	549.068.307.280
Giao dịch khác	-	69.288.720
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	857.421.933.862	595.405.225.527
Cổ tức nhận được	136.091.200.930	-
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua vật liệu bao bì	53.817.919.000	44.298.994.000
Bán phế liệu	-	236.645.638
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh		
Cổ tức nhận được	32.650.829.635	29.987.776.415
Cung cấp dịch vụ	1.846.213.523	870.000.000
Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô		
Bán nguyên vật liệu	101.382.439.588	83.011.273.091
Mua hàng hóa	313.441.348.410	316.252.046.910
Cổ tức nhận được	2.881.500.000	2.881.500.000
Mua khác	-	485.471.800
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Bán nguyên vật liệu	27.531.808.465	27.786.658.230
Mua hàng hóa	167.940.074.730	169.552.940.640
Giao dịch khác	33.295.500	32.791.500



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam		
Bán phế liệu	-	48.563.229
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam		
Mua vật liệu bao bì	321.395.373.634	280.784.138.538
InterBev (Singapore) Limited		
Bán hàng	267.256.260	202.180.750
Các giao dịch khác	-	214.472.290
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Mua hàng hóa	537.221.855	470.888.073
Super Brands Company Pte. Ltd.		
Chi hộ Tổng Công ty	1.622.692.728	1.729.552.487
Fraser and Neave, Limited		
Chi hộ Tổng Công ty	1.121.310.323	2.614.076.710
Chang International Co., Ltd.		
Chi hộ Tổng Công ty	3.168.650.621	-
Công ty TNHH S.A.S. CTAMAD		
Cung cấp dịch vụ	55.899.997	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và thù lao	15.478.276.716	18.700.907.345

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	3.881.237.737	6.745.790.074

40. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2020. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Teo Hồng Keng
Phó Tổng Giám đốc

Neo Jim Siang Bennett
Tổng Giám đốc

